

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02190**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật chuyên ngành kế toán**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009			8	9	7.0	9.0			6.4		7.1
2	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009			8	8.5	8.5	9.0			0.0	0.0	3.4
3	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009			0	0	0.0	0.0			CT		0.0
4	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009			0	0	0.0	0.0			CT		0.0
5	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009			9	9	8.0	9.5			7.6		8.1
6	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009			9	8.5	8.0	9.0			7.6		8.0
7	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009			8.5	8.5	8.0	9.0			7.2		7.7
8	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009			8.5	7	5.0	8.0			0.0	0.0	2.8
9	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009			7	8.5	7.5	9.0			0.0	0.0	3.2
10	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009			7	7.5	7.5	9.0			0.0	0.0	3.2
11	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009			7	7	7.0	8.5			7.6		7.6
12	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009			6.5	8	5.0	8.0			6.4		6.5
13	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009			8	7	9.0	8.5			0.0	0.0	3.3
14	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009			9	9	9.5	9.5			7.6		8.3
15	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009			9	8.5	8.0	9.5			5.6		6.9
16	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009			9	9	8.5	9.5			9.2		9.1
17	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009			8.5	8	10.0	9.0			7.6		8.2
18	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009			9	9.5	9.5	9.5			6.8		7.8
19	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009			9	9	8.0	9.5			7.6		8.1
20	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009			0	0	0.0	0.0			CT		0.0
21	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009			9	9	8.5	9.5			10.0		9.6
22	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009			8	7	8.0	6.0			0.0	0.0	2.9
23	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009			7	7	8.5	9.0			8.0		8.1
24	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009			7	6	5.0	6.0			0.0	0.0	2.3
25	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009			8.5	9	9.0	9.5			7.6		8.2
26	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009			8	7	5.5	8.5			9.2		8.4
27	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009			7.5	8	7.5	9.0			6.8		7.3
28	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009			8	7	6.5	8.5			9.2		8.5
29	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009			7	7	6.0	8.0			7.6		7.4
30	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009			8	8	7.5	8.0			7.6		7.7
31	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vý	04/04/2009			9	9	8.5	9.5			9.6		9.4
32	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009			9	9	9.0	9.0			6.4		7.4
33	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009			8	9	7.5	9.0			0.0	0.0	3.3
34	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009			8	8	8.0	9.5			0.0	0.0	3.4
35	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009			9	9	9.0	9.0			6.4		7.4

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc